TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **626**/2026/QĐST-DS	*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 358/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc: Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thu H**, sinh năm 1996, Căn cước công dân số 001196039428 cấp ngày 25/7/2021. Nơi thường trú: Thôn D, xã Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Vũ T**, sinh năm 1988 và ông **Đặng Đình H1**, sinh năm 2002 theo Giấy ủy quyền ngày 18/3/2026 tại Văn phòng C.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Doãn L**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố Hà Nội.

+ Ông **Trần Thế D,** sinh năm 1990 (chồng bà H). Nơi thường trú: Thôn D, xã Đ, thành phố Hà Nội.

+ Bà **Đào Thị Trà G**, sinh năm 1991 (Vợ ông L). Nơi thường trú: Thôn D, xã Đ, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc mua bán tài sản, các đương sự xác nhận:

Bà Nguyễn Thu H là chủ sở hữu của khu vui chơi trẻ em Tin Tin. Bà H có đăng tải thông tin chuyển nhượng khu vui chơi lên mạng xã hội, ông Nguyễn Doãn L có nhu cầu mua lại trang thiết bị, đồ chơi của khu vui chơi. Ông L và vợ chồng bà H có liên lạc với nhau qua zalo. Ngày 21/06/2023, ông L có nhắn tin qua Zalo với chồng bà L với nội dung nhận chuyển nhượng khu vui chơi trẻ em với giá trị 140.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu đồng)*. Ngày 21/6/2023, ông L đã thanh toán cho vợ chồng bà H số tiền 50.000.000 đồng *(Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng)* tiền mặt. Ngày 29/6/2023, ông L tiếp tục thanh toán số tiền 20.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)* bằng hình thức chuyển khoản. Sau khi thanh toán được 70.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng)*, ông L đã chuyển toàn bộ trang thiết bị, đồ chơi về địa chỉ: Đường T, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội (nay là Đường T, xã P, TP Hà Nội). Còn số tiền 70.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng)* còn lại theo như thoả thuận ban đầu, ông L chưa thanh toán.

Nay, các đương sự thống nhất xác nhận:

- Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ còn lại là 70.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng*).

- Bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ 01/07/2023 tới ngày 26/3/2026 với mức lãi suất quá hạn căn cứ theo khoản 3 Điều 440, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo các quy định trên thì mức lãi suất được xác định trong trường hợp này là 10%, tuy nhiên nguyên đơn chỉ đề nghị Tòa án xem xét áp dụng mức lãi suất 9% tính từ ngày 01/07/2023 tới ngày 26/03/2026 tương đương 999 ngày là (70.000.000 đồng x 9%): 365 ngày x 999 ngày = 17.243.014 đồng (*Bằng chữ: Mười bảy triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng*). Tổng cộng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/03/2026 là: 87.243.014 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng*). Nguyên đơn đồng ý giảm một phần lãi cho ông L, ông L chỉ phải trả 9.000.000 đồng nợ lãi. Việc mua bán trên chỉ giữa vợ chồng bà H với ông L, không liên quan đến vợ ông L.

2.2. Các đương sự thống nhất thỏa thuận:

- Ghi nhận tính đến ngày 07/5/2026 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền: Nợ gốc: 70.000.000 đồng. Nợ lãi: 9.000.000 đồng. Tổng cộng: 79.000.000 đồng (Bảy mươi chín triệu đồng).

- Thời hạn thanh toán: Khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn tiếp tục phải trả lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.3. Về án phí: Do các đương sự tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trước khi mở phiên toà nên chỉ phải chịu 50% mức án phí theo quy định. Ghi nhận sự tự nguyện nộp cả án phí dân sự sơ thẩm của bị đơn.

Ông Nguyễn Doãn L phải chịu 1.975.000 đồng (Một triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại bà Nguyễn Thu H số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố H theo Biên lai số 0005336 ngày 09/3/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 7 – Hà Nội*
- *THADS TP Hà Nội*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Lan